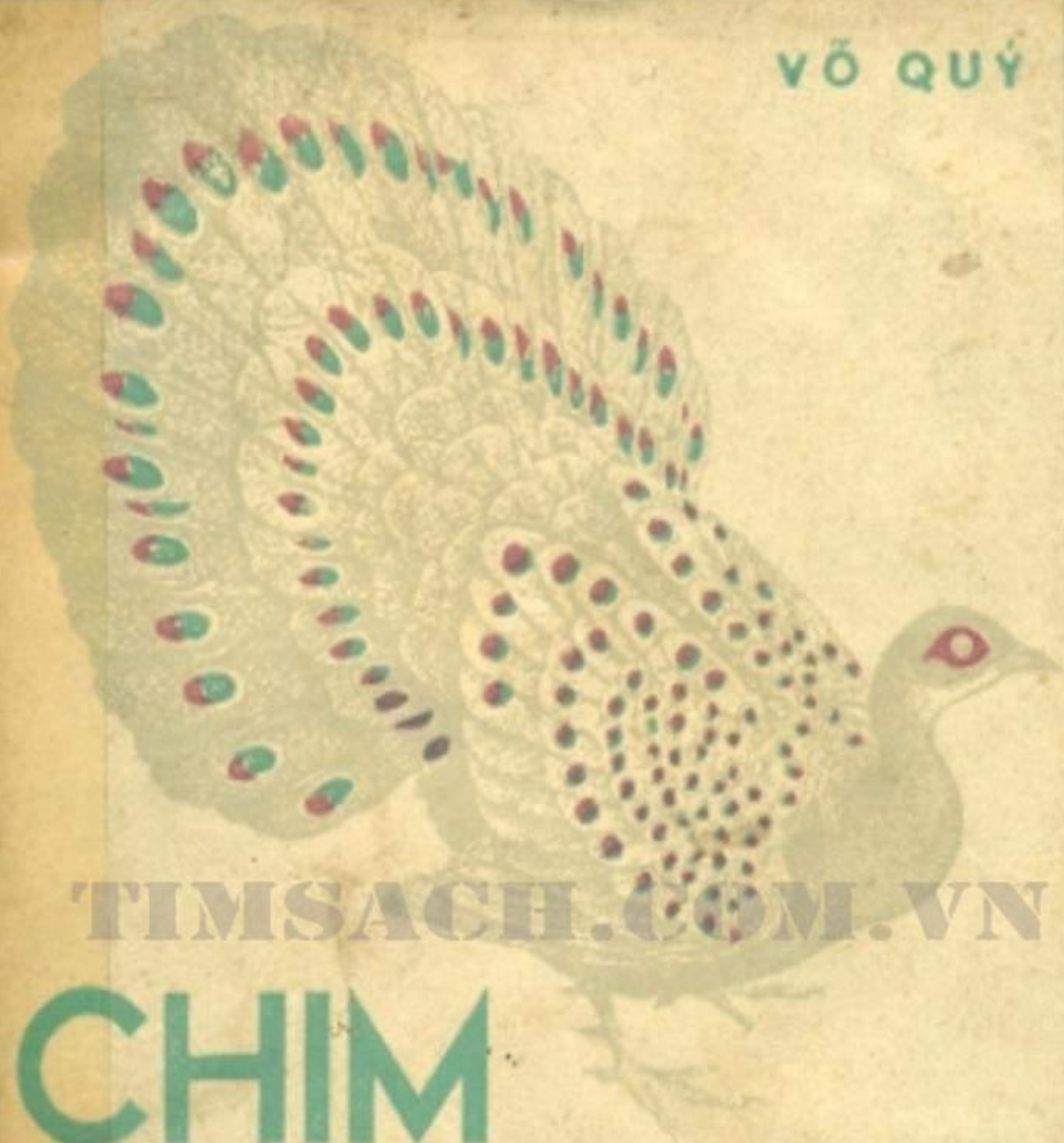


VỐ QUÝ



TIMSACH.COM.VN

CHIM VIỆT NAM

HÌNH THÁI VÀ PHÂN LOẠI

TẬP I



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

VÔ QUÝ

CHIM VIỆT NAM
HÌNH THÁI VÀ PHÂN LOẠI

Tập 1

TIMSACH.COM.VN

Thanh Hằng
anh Phạm Hoàng Hồ

Hanoi. 2/4/78

V. Quý

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
Hà Nội - 1975

Sách gồm các bảng định loại các bộ, họ, giống và loài chim Việt nam, các bảng ghi những đặc điểm chung của lớp chim, của các bộ, họ chính, bản mô tả từng loài và phân loài.

Sách chia làm hai tập :

Tập I mô tả 19 bộ chim Việt nam (trừ bộ Sẻ) bao gồm 415 loài và phân loài ;

Tập II mô tả bộ Sẻ bao gồm hơn 500 loài và phân loài.

Sách dùng cho cán bộ nghiên cứu động vật, thầy giáo và học sinh các trường đại học và phổ thông, các cán bộ y tế, nông nghiệp, lâm nghiệp... và những người yêu thích thiên nhiên.

LỜI NÓI ĐẦU

Giới động vật Việt nam rất phong phú ; riêng về chim thì đã biết được trên 1.000 loài và phân loài. Nhưng cho đến nay vẫn chưa có một bảng định loại nào đầy đủ và có hệ thống để có thể xác định được tên các loài chim gặp ở trên đất nước ta.

Nhận thấy việc xây dựng một bảng định loại các loài chim của nước ta là rất cần thiết, không những cho các người chuyên nghiên cứu về động vật, các sinh viên chuyên ngành động vật, mà cả các người nghiên cứu có liên quan đến động vật, các giáo viên dạy sinh vật ở các trường phổ thông và mọi người yêu thích thiên nhiên, chúng tôi đã mạnh dạn viết cuốn sách này.

Chúng tôi đã xây dựng được bảng định loại 20 bộ chim Việt nam và mỗi bộ lại có bảng định loại các họ, giống, loài và cả đến phân loài, tổng cộng gồm 767 loài và nếu kể cả phân loài thì số đó lên đến 1.000.

Kèm theo các bảng định loại, trong sách còn có các bản ghi những đặc điểm chung của lớp chim, của từng bộ, các họ chính và bản mô tả từng loài và phân loài.

Để cho ai cũng có thể xác định được tên một loài chim khi có trong tay một mẫu tươi hay một mẫu nhồi chúng tôi chỉ sử dụng những đặc điểm cấu tạo ngoài để nhận biết như hình dạng mỏ, chân, số ngón chân, số lông đuôi, màu sắc bộ lông, hình dạng vẩy phủ giò, kích thước đuôi, cánh, giò, mỏ, v.v...

Cách đo các bộ phận chủ yếu của chim được dùng trong sách này thực hiện theo hình 1.

Chiều dài cánh, đo từ góc cánh (hình 1) đến mút lông cánh sơ cấp dài nhất. Đối với các chim nhỏ, tốt hơn hết là dùng thước kẹp hay com pa đo, đối với các chim lớn nên đo bằng thước dây.



Hình 1. Cách đo các phần của cơ thể chim.

- a) đo cánh; b) đo đuôi; c) và d) đo sớng mỏ;
e) đo mệp mỏ; g) đo giớ; h) đo ngón chân giữa
không kể móng; i) đo móng chân.

Chiều dài đuôi, đo từ gốc của các lông đuôi giữa (nghĩa là chỗ lông này cắm vào da) đến mút lông đuôi dài nhất vượt thẳng ra, đo bằng thước hay com pa đo.

Chiều dài giò (xương bàn chân) đo từ mép sau chỗ khớp với xương ống chân (1) đến chỗ khớp với ngón chân giữa ở mặt trước, đo bằng com pa đo.

Chiều dài mỏ đo từ mút mỏ đến mép giáp với trán, đo bằng com pa đo theo đường thẳng, không đo vòng theo sống mỏ.

Các số đo dùng trong bảng định loại và các bản mô tả là những số đo lấy ở các vật mẫu chim trưởng thành mà bộ lông đã mọc đầy đủ, và không bị cụt chỗ nào. Hàng năm các chim đều thay toàn bộ bộ lông bằng cách rụng dần từng lông và lông mới mọc bù vào, vì vậy trong thời kỳ thay lông, chim vẫn bay được. Một số ít loài như vịt, mòng két, gà đồng các lông cánh và lông đuôi cũng rụng một lúc, nên trong thời kỳ này chim không bay được, nhưng ở các loài này thời kỳ thay lông ngắn. Thời kỳ thay lông thường bắt đầu từ sau mùa đẻ và kéo dài từ 1 đến 3-4 tháng tùy loài. Ở nước ta, hầu hết chim thay lông trong khoảng tháng 6 đến tháng 11. Trước lúc thay lông, các lông cũ thường bị cụt hay mòn ở mút lông. Vì vậy, khi đo các vật mẫu chim để định loại, cần xác định đó là chim non hay chim trưởng thành, các lông cánh và đuôi đã mọc đầy đủ chưa hay có rụng lông nào không, nhất là các lông dài nhất. Số đo của chim non và chim bị cụt lông cánh, lông đuôi hay các loại lông này đang thay và chưa phát triển đầy đủ đều không sử dụng để đối chiếu với bảng định loại được.

Trước lúc định loại cần biết rõ các phần của cơ thể và bộ lông chim (xem các hình 2, 3, 4, 5 và 6). Các lông cánh được đánh số theo thứ tự từ ngoài vào trong, ví dụ lông cánh số 1 cấp thứ nhất là lông cánh số 1 cấp ngoài

(1) Phần này là ống chân, nhưng ở chim ta thường gọi nhầm là đùi (đùi gà). Đùi chính thực là khúc trên khớp với hông.

cứng. Lông đuôi chỉ là những lông ống mọc ở mép sau của phao câu, còn các lông mềm hơn mọc ở phía trên hay dưới phao câu, có khi rất dài trùm lên cả mặt trên hay mặt dưới đuôi, thậm chí có thể dài hơn lông đuôi gấp nhiều lần (cồng) là lông bao trên đuôi và lông bao dưới đuôi.



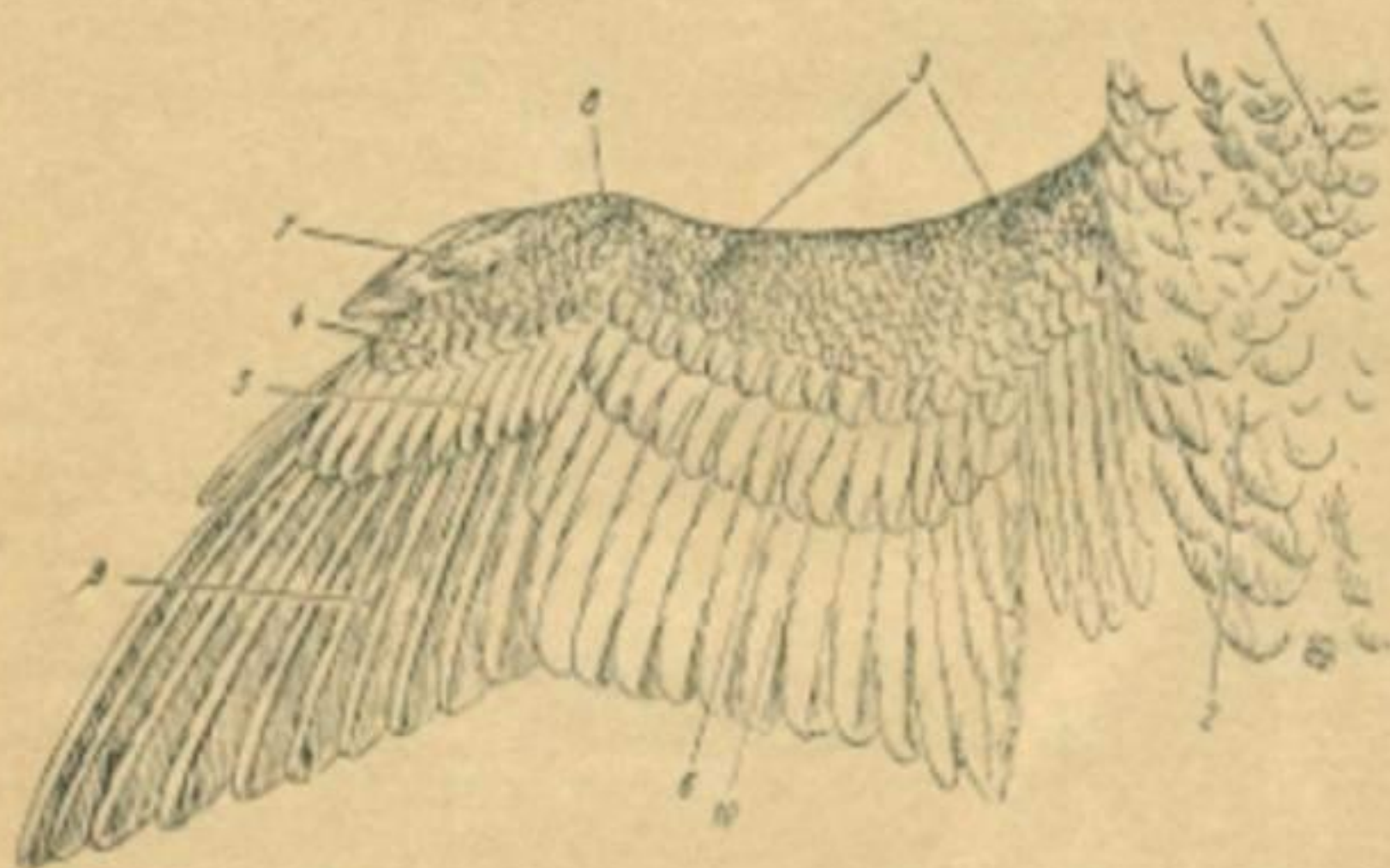
Hình 2. Tên các phần của cơ thể chim và của bộ lông chim.

1. trán; 2. đỉnh đầu; 3. gáy; 4. trước mắt; 5. trên mắt hay lông mày; 6. má; 7. tai; 8. mỏ trên; 9. mỏ dưới; 10. sống mỏ; 11. chóp mỏ hay mút mỏ; 12. góc mép mỏ; 13. họng; 14. điều hay phía trước cổ; 15. ngực; 16. bụng; 17. phần trên lưng hay lưng trên; 18. phần dưới lưng hay lưng dưới; 19. vai; 20. lông cánh sơ cấp; 21. lông cánh thứ cấp; 22. lông cánh tam cấp; 23. lông bao cánh nhỏ; 24. lông bao cánh nhỏ; 25. lông bao cánh lớn; 26. cánh con (lông cắm vào ngón cái); 27. mép cánh; 28. bao trên đuôi; 29. lông đuôi; 30. bao dưới đuôi; 31. giò; 32. ngón chân sau hay ngón chân cái hay ngón 1; 33. ngón chân trong hay ngón 2; 34. ngón chân giữa hay ngón 3; 35. ngón chân ngoài hay ngón 4; 36. phần sau bụng; 37. góc cánh; 38. đuôi (phần ống chân); 39. sườn; 40. hông; 41. cẳng; 42. phần sau cổ; 43. phần bên cổ.



Hình 3. Các loại lông cánh (nhìn mặt dưới).
1. lông cánh sơ cấp; 2. lông cánh thứ cấp; 3. lông cánh tam cấp.

TIMSACH.COM.VN



Hình 4. Cánh chim (nhìn mặt trên).
1. lưng trên; 2. lông vai; 3. lông bao cánh nhỏ;
4. lông bao cánh nhờ; 5. lông bao cánh sơ cấp;
6. lông bao cánh lớn; 7. cánh con; 8. góc cánh;
9. lông cánh sơ cấp; 10. lông cánh thứ cấp.

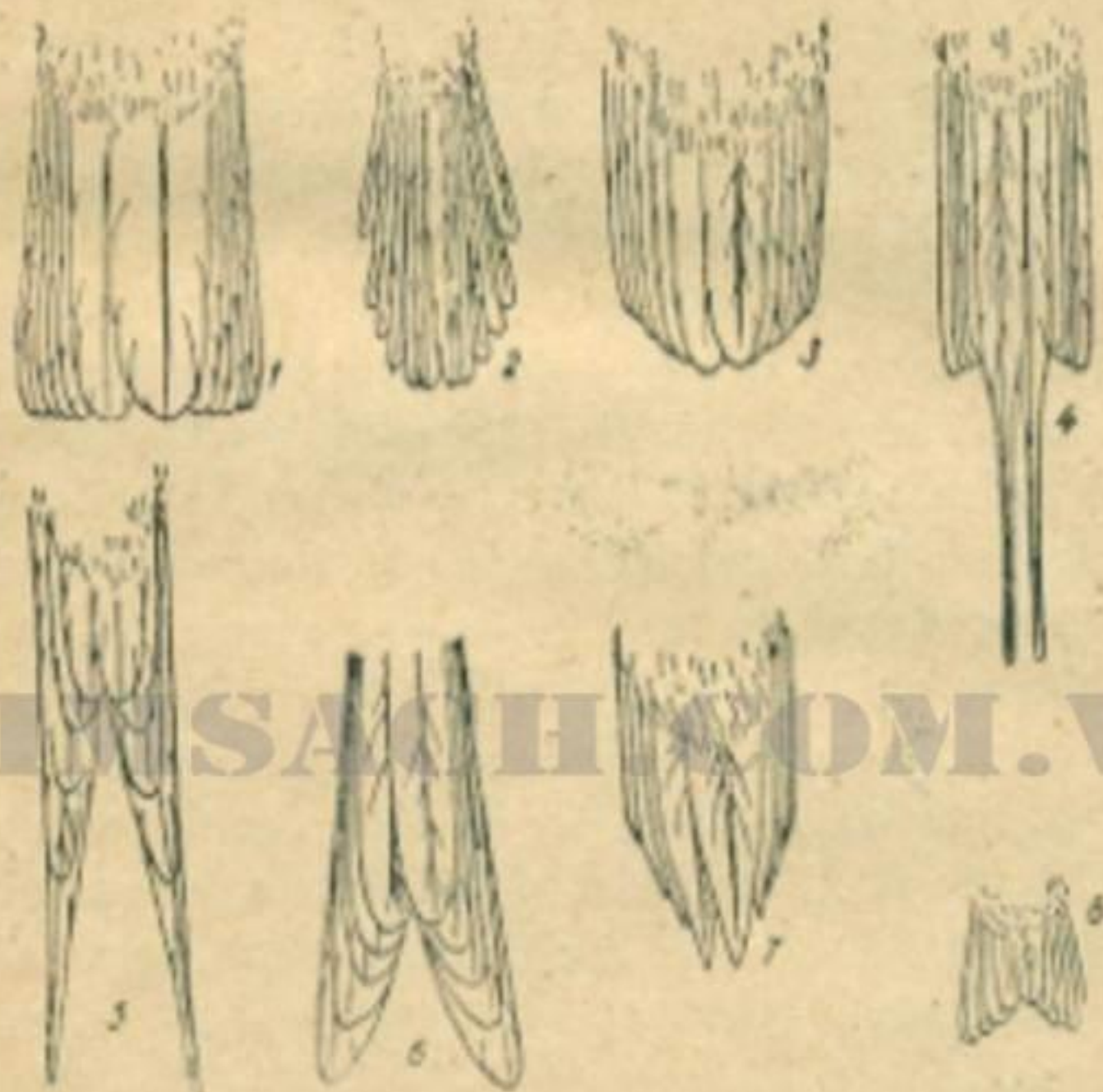
Số lông đuôi ở chim bao giờ cũng là số chẵn, vì vậy khi đếm số lông đuôi gặp số lẻ có nghĩa là đếm nhầm hay ít nhất có một lông đuôi bị rụng.



Hình 5. a) lông ống;
1. cuống lông; 2. thân lông; 3. phiến
lông trong; 4. phiến lông ngoài;
b) lông đao có lông phụ.

Các bảng định loại được xây dựng theo nguyên tắc đối lập nghĩa là tất cả chim có nói đến trong sách này đầu tiên chia ra làm hai lô có đặc điểm đối lập nhau rồi mỗi lô lại chia thành hai lô nhỏ hơn theo các đặc điểm

khác cũng đối lập nhau, và cứ chia như thế cho đến từng loài hay phân loài. Theo nguyên tắc đó, khi muốn định loại một loài chim nào đó mà ta có mẫu tươi, hay mẫu



Hình 6. Các loại đuôi chim.

1. đuôi vuông; 2. đuôi nhiều cấp; 3. đuôi tròn;
4. đuôi có dải nhọn ở giữa; 5. đuôi chẻ đôi rất sâu;
6. đuôi chẻ đôi sâu; 7. đuôi nhọn; 8. đuôi chẻ đôi nông.

nhồi trong tay nhưng chim chưa biết tên, đầu tiên dùng bảng định loại các bộ để tìm mẫu chim ấy thuộc vào bộ nào, sau đó dùng các bảng định loại tiếp theo để tìm tên họ, giống, rồi cuối cùng tên loài hay phân loài.

Khi dùng bất kỳ bảng định loại nào cũng phải đọc lần lượt từ số 1, xem mẫu chim của mình ứng vào nhóm